

Mối quan hệ giữa chất lượng hàng hóa, dịch vụ công và tăng trưởng kinh tế

Nguyễn Thanh Hằng*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Tóm tắt

Bài viết phân tích mối quan hệ giữa chất lượng hàng hóa, dịch vụ công và tăng trưởng kinh tế, trong đó đi sâu xem xét ảnh hưởng cụ thể của chất lượng cơ sở hạ tầng và chất lượng hoạt động của cơ quan công quyền đối với tăng trưởng kinh tế. Kết quả hồi quy dữ liệu bảng của các nước trên thế giới giai đoạn 2006-2014, dựa trên mô hình tác động cố định cho thấy chất lượng hàng hóa, dịch vụ công thật sự có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ công sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Giải pháp nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ công được đề xuất là áp dụng TQM, mô hình chính phủ điện tử và mô hình dịch vụ điện tử.

Nhận ngày 19 tháng 2 năm 2016, Chính sửa ngày 7 tháng 9 năm 2016, Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 9 năm 2016

Từ khóa: Chất lượng hàng hóa, dịch vụ công, mô hình tác động cố định, tăng trưởng kinh tế.

1. Mở đầu

Thế giới đã chứng kiến cuộc khủng hoảng nợ công trầm trọng ở Châu Âu trong những năm gần đây, với Hy Lạp là quốc gia đầu tiên bước vào vòng xoáy, kèm theo đó là những hậu quả tai hại, ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ nền kinh tế. Nguyên nhân sâu xa chính là sự yếu kém của chính phủ trong quản lý hoạt động chi tiêu công. Sự yếu kém này đã dẫn đến tình trạng chi tiêu công thiếu hiệu quả, bắt nguồn từ sự vi phạm ít nhất một trong năm khía cạnh: (i) quy mô tối ưu; (ii) thực hiện đúng chức năng; (iii) phân bổ ngân sách đảm bảo thứ tự ưu tiên; (iv) phân cấp hợp lý, hiệu quả; và (v) đảm bảo kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ công.

Việc kiểm soát chi tiêu kém, để thất thoát, bớt xén làm cho chất lượng hàng hóa, dịch vụ công thấp cũng là một yếu tố làm giảm hiệu quả chi tiêu của chính phủ. Chính phủ với tư cách là bộ máy lãnh đạo xã hội, đồng thời là một nhân tố có trách nhiệm cung cấp hàng hóa và dịch vụ công đảm bảo cho sự phát triển, phải được đánh giá hiệu quả hoạt động bằng sản phẩm của mình, được cụ thể hóa bằng các tiêu chí về mức cải thiện đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân trong dài hạn. Nhằm mục đích phản ánh mối quan hệ giữa việc đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ công và tăng trưởng kinh tế, cụ thể trên hai khía cạnh: hoạt động của cơ quan công quyền (dịch vụ công) và cơ sở hạ tầng (hàng hóa công), nghiên cứu này sẽ là một trong số ít những nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam góp phần chỉ ra sự cần thiết phải kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ công của chính phủ.

*ĐT: 84-972974554

Email: hangnguyen159@yahoo.com

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu

Đảm bảo hiệu quả hoạt động chi tiêu công là vấn đề cấp thiết của mỗi quốc gia, là điều kiện nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài và ổn định. Chính vì thế, việc phân tích chính sách chi tiêu công và đánh giá hiệu quả của chi tiêu công là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà kinh tế học hiện đại.

Trên thế giới, có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa chi tiêu chính phủ nói chung và đầu tư công nói riêng với tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên kết luận thu được rất khác nhau. Nếu Barro (1991) [1], De Long và Summers (1991) [2], Levine và Renelt (1992) [3], Landau (1983) [4] kết luận rằng chưa có cơ sở để nói đầu tư công có tác động đến tăng trưởng kinh tế thì Easterly và Rebelo (1993) [5] lại cho rằng đầu tư công ở một số lĩnh vực như giao thông, liên lạc có ảnh hưởng thuận chiều đến tăng trưởng kinh tế. Devarajan và cộng sự (1996) [6] lại chỉ ra rằng, chính việc không thực hiện đúng chức năng của chính phủ đã gây tác động ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế.

Một trong những nghiên cứu đầu tiên góp phần lý giải sự khác nhau giữa các kết luận thu được ở các nghiên cứu trên là của Tanzi và Davoodi (1997) [7]. Các tác giả đã xem xét tác động của tham nhũng đối với việc ra quyết định đầu tư của chính phủ, đặc biệt trong việc phân bổ chi tiêu công và phát hiện ra rằng, với điều kiện như nhau giữa các quốc gia, mức độ tham nhũng trầm trọng gắn liền với (i) đầu tư chính phủ lớn, (ii) thu ngân sách thấp, (iii) chất lượng cơ sở hạ tầng thấp. Chính tham nhũng làm tăng quy mô đầu tư công trong khi làm giảm hiệu quả có thể là nguyên nhân dẫn đến việc tìm thấy tác động ngược chiều của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế như trong một số nghiên cứu.

Nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ giữa tình trạng quản trị nhà nước yếu kém và tình trạng tham nhũng đối với việc gia tăng đầu tư công trong thực tiễn, biểu hiện là tăng chi tiêu công nhưng tài sản thực của nhà nước không tăng lên tương xứng, một phần trong số đó đã chảy vào túi tham nhũng. Điểm đáng lưu tâm là tham nhũng có thể được che giấu trong phần chi tiêu các kết cấu chìm của phát triển hạ tầng giao thông, mà khó che giấu hơn trong các kết cấu nổi. Tanzi (1998) [8] đã vạch rõ, sự thiếu minh bạch và thiếu kiểm soát chất lượng của chính phủ là nguyên nhân chính dẫn đến tham nhũng.

Ngoài tham nhũng, Keefer và Knack (2002) [9] đã chỉ ra chính vì không xem xét đến chất lượng quản lý của nhà nước đã dẫn đến việc tìm thấy tác động ngược chiều của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế như ở một số nghiên cứu. Các tác giả đã tìm thấy mối liên hệ song song, đồng thời giữa sự quản lý yếu kém của chính phủ với: (i) tăng tỷ lệ đầu tư công/GDP, (ii) giảm tỷ lệ đầu tư công/đầu tư tư nhân. Đồng thời, các tác giả cũng đã chỉ ra, đầu tư công sẽ giúp cải thiện chất lượng của cơ sở hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chỉ khi quá trình kiểm soát chất lượng của chính phủ được đảm bảo. Cùng với những phát hiện liên quan đến tác động của cơ sở hạ tầng (về quy mô, chất lượng) đối với tăng trưởng kinh tế như của Egert và cộng sự (2009) [10], Calderón và Servén (2008) [11] và các nghiên cứu được tổng hợp trong Bảng 1, kết luận này rất có ý nghĩa để đánh giá tác động của việc kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ công đối với tăng trưởng kinh tế, theo đó, chỉ khi chính phủ kiểm soát tốt chất lượng của hàng hóa, dịch vụ công, đầu tư công thì mới giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bảng 1. Tổng hợp kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa kết cấu hạ tầng và tăng trưởng kinh tế

	Chiều hướng	Ngược chiều	Chiều hướng không rõ ràng	Thuận chiều
Tiếp cận bởi				
Khối lượng (65 nghiên cứu)		10,8%	40%	49,2%
Chất lượng (75 nghiên cứu)		1,3%	24%	74,7%

Nguồn: Straub (2007) [12]

Năm 2007, Keefer và Knack [13] tiếp tục nghiên cứu về tác động giữa chất lượng quản lý của chính phủ đến đầu tư công. Các tác giả đã chỉ ra rằng, chất lượng quản lý của chính phủ và tỷ lệ đầu tư công/GDP có mối liên hệ nghịch. Ở những nước có sự quản lý tốt của chính phủ thì tỷ lệ đầu tư công/GDP nhỏ, trong khi những nước quản lý kém thì tỷ lệ này lại cao. Kết quả nghiên cứu của Calderón và Servén (2008) [11] cho thấy trong dài hạn, cả khối lượng và chất lượng của kết cấu hạ tầng đều có ảnh hưởng thuận chiều một cách có ý nghĩa đối với tăng trưởng kinh tế. Tiêu dùng chính phủ trong một vài trường hợp có ảnh hưởng ngược chiều ở mức ý nghĩa 10%, một số khác thì không. Ngoài ra, chưa có cơ sở để cho rằng chất lượng thể chế có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Cũng cố thêm tầm quan trọng của việc đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ công nói chung và kết cấu hạ tầng nói riêng, phân tích hồi quy của Servén (2010) [14] về mối quan hệ giữa đầu tư vào kết cấu hạ tầng và tăng trưởng tại 88 quốc gia trên thế giới không cho thấy quy luật nào đáng tin cậy. Mối quan hệ này bị ảnh hưởng bởi sự khác biệt của quy mô chi tiêu so với nhu cầu xã hội, chất lượng của các quyết định chi tiêu và chất lượng của việc cung cấp các hàng hóa công hữu hình.

Tại Việt Nam, cũng có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế như Phạm Thế Anh (2008a, b) [15, 16], Nguyễn Khắc Minh và cộng sự (2008) [17], Nguyễn Phi Lâm (2009) [18], Hoàng Thị Chinh Thon và cộng sự (2010) [19]... Tuy nhiên, các nghiên cứu này tập trung tổng quan lý thuyết và đi sâu vào một vài khía cạnh của chi tiêu công như phân cấp phân quyền, cơ cấu các khoản chi... mà ít đề cập đến vấn đề quản lý chất lượng. Trên thực tế, nếu các doanh nghiệp nước ngoài quan tâm nhiều đến vấn đề cải thiện cơ sở hạ tầng thì mối quan tâm lớn nhất của các doanh nghiệp trong nước là cải cách hành chính, bãi bỏ các giấy phép, quy định và thủ tục không cần thiết, nâng cao hiệu quả làm việc. Có thể thấy tính cấp thiết của việc đảm bảo hiệu quả quản lý của nhà nước với tư cách là một dịch vụ công nhằm mục đích phát triển kinh tế. Hiệu quả này chỉ có được khi có sự giám sát, đảm bảo chất lượng của nhà nước về các hàng hóa, dịch vụ công được cung cấp.

3. Thiết kế nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu thực chứng mối liên hệ giữa quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ công và hiệu quả hoạt động của chính phủ là cần thiết, giúp cung cấp cơ sở thực tiễn vững chắc buộc chúng ta phải nhìn nhận lại sự cần thiết kiểm soát chất lượng hàng hóa, dịch vụ công, từ đó tìm kiếm các giải pháp nhằm thực hiện tốt quá trình kiểm soát này. Hiệu quả hoạt động của chính phủ, cách tiếp cận đơn giản nhất chính là tăng trưởng kinh tế. Một chính phủ được coi là hoạt động hiệu quả nếu đảm bảo dưới sự quản lý của mình, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững chính là biểu hiện đồng thời là điều kiện đảm bảo cải thiện đời sống tinh thần và vật chất của người dân trong dài hạn.

Nếu tăng trưởng kinh tế là cách tiếp cận của hiệu quả hoạt động chính phủ, vậy đâu là cách tiếp cận của quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ công? Vấn đề chất lượng hàng hóa công do chính phủ cung cấp đã bộc lộ từ rất sớm, nhưng nỗ lực kiểm soát chưa đáp ứng được mong đợi của người dân tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có cả các nước công nghiệp phát triển. Theo Zeithaml (2000) [20], chất lượng của một hàng hóa/dịch vụ nào đó được đánh giá dựa trên việc so sánh kỳ vọng của người sử dụng và bản chất thực tế của hàng hóa/dịch vụ đó. Việc đánh giá phải thông qua trải nghiệm thực tế như đã từng sử dụng hàng hóa với tư cách là tài sản cá nhân hay đã từng sử dụng dịch vụ trên cương vị là khách hàng, hoàn toàn không phải là đánh giá của nhà cung cấp. Chất lượng gắn liền với việc hàng hóa và dịch vụ được cung cấp tuân theo sự mong đợi của khách hàng, của người sử dụng, do đó, phải phù hợp với các yêu cầu cũng như nhu cầu của khách hàng. Điều này cho phép chất lượng của hàng hóa/dịch vụ được xem như nhận thức của khách hàng về chính hàng hóa/dịch vụ đó. Người sử dụng có thể sẽ hài lòng khi cảm nhận của họ về hàng hóa/dịch vụ được cung cấp vượt quá mong đợi của họ. Chính vì vậy, mức độ hài lòng của người dân đối với các tổ chức thuộc khu vực công, đối với các hàng hóa, dịch vụ công mà các tổ chức này cung cấp như kết cấu hạ tầng, y tế, giáo dục... là một cách tiếp cận phù hợp cho vấn đề quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ công. Ý tưởng này được củng cố thêm dựa trên

một số nghiên cứu như của Johnston (1995) [21], Petruzzellis và cộng sự (2006) [22], Agus và cộng sự (2007) [23], Asaduzzaman và cộng sự (2013) [24]... Johnston (1995) [21] đã chỉ ra mối tương quan chặt chẽ giữa các thành tố xác định chất lượng của hàng hóa/dịch vụ với mức độ hài lòng/không hài lòng của người sử dụng. Agus và cộng sự (2007) [23] cũng từng chỉ ra có mối liên hệ thuận chiều mạnh mẽ giữa chất lượng dịch vụ công ở Malaysia với mức độ hài lòng của người dân. Asaduzzaman và cộng sự (2013) [24] hay Petruzzellis và cộng sự (2006) [22] thì chỉ ra mối tương quan chặt chẽ giữa mức độ hài lòng của sinh viên với chất lượng dịch vụ giáo dục được cung cấp.

3.2. Mô hình đề xuất

Vấn đề đặt ra trước hết là cần xác định các yếu tố nào ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Có thể tiếp cận trên hai khía cạnh là hàm sản xuất và hàm tiêu dùng. Đứng trên khía cạnh hàm sản xuất, động lực của tăng trưởng kinh tế gồm có tốc độ tăng lao động, tốc độ tăng của vốn và tốc độ tăng TFP. Xét trên khía cạnh hàm tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào các yếu tố gồm có tiêu dùng hộ gia đình, đầu tư tư nhân, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng/độ mở cửa thương mại. Mỗi yếu tố này lại có nhiều cách tiếp cận khác nhau, điều này giải thích vì sao chúng ta có số lượng các mô hình hồi quy tăng trưởng khá phong phú. Một số yếu tố thường xuyên được đưa vào mô hình hồi quy tăng trưởng gồm có: (i) GDP bình quân đầu người, thể hiện mức độ phát triển của từng quốc gia; (ii) mức độ phổ cập giáo dục của từng quốc gia (thường là tỷ lệ nhập học tiểu học); (iii) quy mô chi tiêu chính phủ (thường tính bằng % GDP); (iv) độ mở của nền kinh tế (thường tính bằng % GDP của tổng xuất, nhập khẩu). Ngoài ra, còn nhiều yếu tố khác cũng được sử dụng. Chẳng hạn, trong nghiên cứu của Calderón và Servén (2008) [11], các tác giả đã sử dụng các yếu tố như tỷ lệ tín dụng tư nhân trong nước trên GDP, chỉ số lạm phát, chỉ số tỷ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu; trong nghiên cứu của Li và Zou (1998) [25], các tác giả lại sử dụng tốc độ tăng dân số, tốc độ tăng dân số thành thị, tỷ lệ tổng đầu tư trong nước trên GDP, hoạt động của chợ đen, độ sâu tài chính (đo bằng M2/GDP), mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Các yếu tố kể trên cũng được khá nhiều nghiên

cứ sử dụng để đưa vào mô hình hồi quy. Tuy nhiên, có một thực tế là chúng ta không thể đưa tất cả các biến vào trong mô hình. Một mặt, rất dễ xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến do có tương quan cao giữa các yếu tố; mặt khác, do hạn chế về mặt số liệu. Cân nhắc những điều này, bài viết đề xuất mô hình hồi quy tăng trưởng sau:

$$G = f(GDP, FD, OPEN, INF, GS, TOT, TH, Q)$$

Trong đó:

- G: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân theo giá cố định 2005\$ (%);
- GDP: GDP bình quân theo giá cố định năm 2005;
- FD: Tín dụng tư nhân trong nước/GDP (%);
- OPEN: Độ mở của nền kinh tế (%);
- INF: Lạm phát (%);
- GS: Chi tiêu chính phủ/GDP (%);
- TOT: Chỉ số tỷ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu, gốc năm 2000 = 100%;
- TH: Tỷ lệ nhập học tiểu học (bắt kể tuổi tác, %);
- Q: Đánh giá của người dân đối với hàng hóa, dịch vụ công;
- f: Một hàm tuyến tính.

Tất cả các biến ở phía phải đều được lấy trễ bởi đa phần phải mất một khoảng thời gian thì sự thay đổi của các biến này mới gây ra sự thay đổi của tăng trưởng.

3.3. Dữ liệu và nguồn dữ liệu

Các biến phản ánh mức độ hài lòng của người dân được cho điểm từ 0 đến 7 với 7 là mức hài lòng cao nhất về hoạt động của cơ quan công quyền và cơ sở hạ tầng được lấy nguồn từ Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) giai đoạn 2006-2014. Trong đó, Q_1 là mức độ hài lòng về cơ sở hạ tầng, Q_2 là mức độ hài lòng đối với cơ quan công quyền. Các biến còn lại được lấy nguồn từ World Bank (WDI, bản cập nhật tháng 7/2015) giai đoạn 2006-2014.

3.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung sử dụng hai phương pháp chính: thống kê mô tả và kinh tế lượng. Phương pháp thống kê mô tả nhằm phác họa mối quan hệ trực quan giữa mức độ hài lòng về hoạt động của cơ quan công quyền cũng như cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, phương pháp kinh tế lượng được thực hiện dựa trên việc ước lượng mô hình hồi quy dữ liệu bảng không

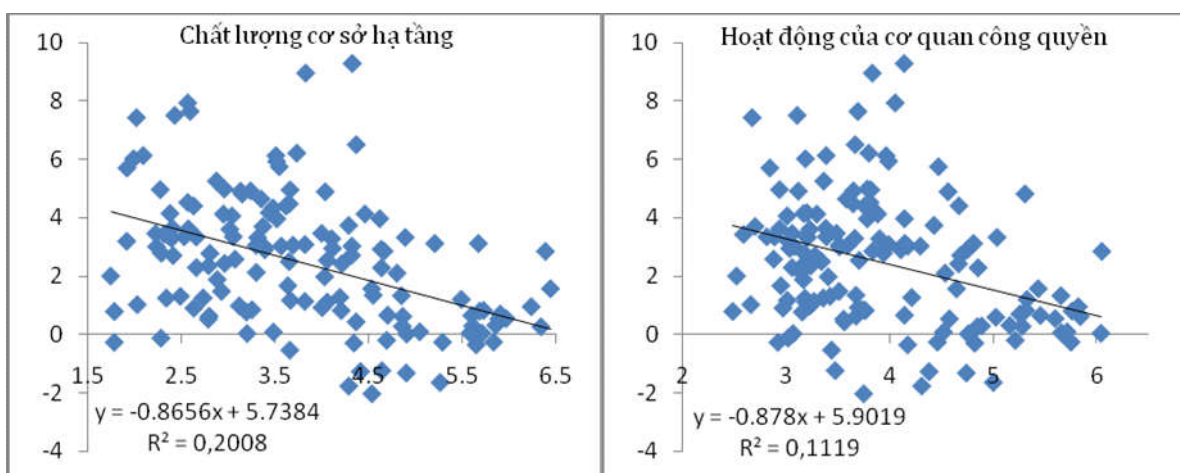
cân xứng về mối quan hệ giữa mức độ hài lòng về hoạt động của cơ quan công quyền cũng như cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế với các biến kiểm soát tiêu chuẩn bằng mô hình tác động cố định (có so sánh với mô hình tác động ngẫu nhiên và mô hình OLS gộp) trên mẫu gồm khoảng 140 quốc gia trong giai đoạn 2006-2014. Các biến kiểm soát lần lượt được đưa vào mô hình gốc (với biến giải thích chỉ gồm có GDP bình quân đầu người và chất lượng hàng hóa, dịch vụ công) nhằm kiểm tra tính vững của các ước lượng và rút ra kết luận chính xác.

4. Kết quả

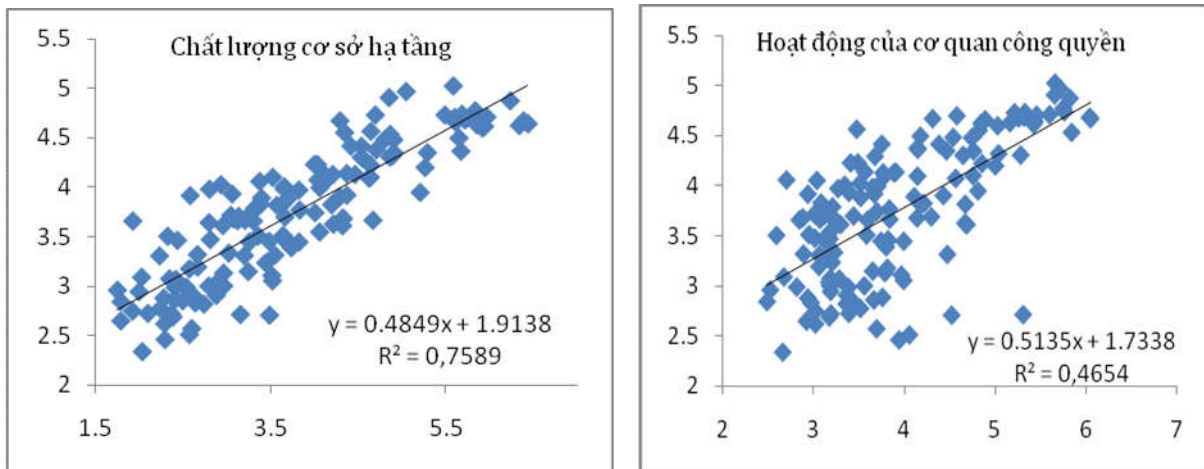
Các biểu đồ trực quan ở Hình 1 cho thấy mối tương quan lỏng lẻo giữa chất lượng cơ sở hạ tầng và chất lượng hoạt động của các cơ quan công quyền với tăng trưởng kinh tế. Chất lượng cơ sở hạ tầng và chất lượng hoạt động của các cơ quan công quyền đều có quan hệ tương quan ngược chiều với tăng trưởng kinh tế. Điều này có nghĩa rằng tại những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao, chúng ta quan sát thấy chất lượng cơ sở hạ tầng, chất lượng hoạt động của cơ quan công quyền bị đánh giá thấp; trong khi tại các quốc gia có tốc độ tăng trưởng thấp hơn thì các yếu tố này lại được đánh giá chất lượng cao hơn. Kết quả thu được không hàm ý rằng nâng cao chất lượng của hàng hóa, dịch vụ công sẽ làm

kìm hãm tăng trưởng kinh tế, mà phải nắm rõ quy luật: những quốc gia có mức độ phát triển kinh tế càng cao thì tốc độ tăng trưởng càng thấp. Theo đó, kết quả thu được ở trên tưởng chừng vô lý lại hết sức hợp lý, đánh giá cao của người dân về hàng hóa, dịch vụ công được ghi nhận tại những quốc gia có mức độ phát triển kinh tế cao. Điều này được thể hiện rõ nét khi ta phác họa đồ thị mối quan hệ giữa chất lượng hàng hóa, dịch vụ công với mức phát triển kinh tế, thể hiện qua GDP bình quân đầu người (Hình 2).

Có mối quan hệ chặt chẽ giữa chất lượng cơ sở hạ tầng và mức phát triển kinh tế (hệ số tương quan tuyến tính $r \approx 0,87$) trong khi mối quan hệ giữa chất lượng hoạt động của cơ quan công quyền và mức phát triển kinh tế chỉ tương đối chặt chẽ ($r \approx 0,68$). Mối liên hệ giữa hàng hóa, dịch vụ công với mức phát triển kinh tế rõ ràng hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế ($R^2 = 0,76$ thay vì 0,2 đối với cơ sở hạ tầng và 0,47 thay vì 0,11 đối với hoạt động của cơ quan công quyền). Đồ thị về mối quan hệ cho thấy, ở các nước có mức phát triển kinh tế càng cao, chất lượng cơ sở hạ tầng và chất lượng hoạt động của cơ quan công quyền càng cao. Mức phát triển cao tạo điều kiện để đầu tư nhằm nâng cao chất lượng của hàng hóa, dịch vụ công. Đến lượt mình, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được nâng cao là một tiền đề để cải thiện mức phát triển.



Hình 1. Mối quan hệ giữa chất lượng cơ sở hạ tầng và hoạt động của cơ quan công quyền với tăng trưởng GDP bình quân đầu người (theo giá 2005\$) giai đoạn 2006-2014.



Hình 2. Mối quan hệ giữa chất lượng cơ sở hạ tầng và hoạt động của cơ quan công quyền với GDP bình quân đầu người (theo giá 2005\$, log) giai đoạn 2006-2014.

Kết quả hồi quy trên các mô hình gốc (mô hình 1.1, 2.1, xem Bảng 1, 2 tại phụ lục kèm theo) đều cho cùng kết quả các biến chất lượng hàng hóa, dịch vụ công có hệ số dương như mong đợi bởi nó hàm ý rằng việc tăng chất lượng hàng hóa, dịch vụ công sẽ kích thích tăng trưởng. Để kiểm tra độ vững của các ước lượng, chúng ta bổ sung các biến mới vào sao cho mô hình mới có các hệ số đều có ý nghĩa thống kê ở mức tối thiểu là 10%. Hệ số của các biến chất lượng hàng hóa, dịch vụ công trong các mô hình mở rộng (các mô hình còn lại trong Bảng 1, 2 tại phụ lục kèm theo) đều dương và giá trị của chúng nhìn chung khá ổn định khi thay đổi giữa các mô hình. Nếu lựa chọn ước lượng có độ tin cậy cao nhất thì kết quả thu được sẽ là:

- Khi mức độ hài lòng đối với cơ sở hạ tầng năm trước tăng lên 1 điểm thì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người năm sau tăng thêm khoảng 2,49 điểm %.

- Khi mức độ hài lòng đối với hoạt động của cơ quan công quyền tăng lên 1 điểm thì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người 3 năm sau tăng thêm khoảng 4,98 điểm %.

Cũng theo các kết quả hồi quy này, chỉ tiêu công, tỷ lệ nhập học tiểu học, trao đổi thương mại ròng có mối quan hệ thuận chiều với tăng trưởng, lạm phát có mối quan hệ ngược chiều

với tăng trưởng, độ mở của nền kinh tế có mối quan hệ ngược chiều với tăng trưởng của năm liền kề sau đó, nhưng lại có mối quan hệ thuận chiều ở những năm sau nữa, sự phát triển của thị trường tài chính trong ngắn hạn có mối quan hệ ngược chiều với tăng trưởng nhưng trong trung hạn lại có mối quan hệ thuận chiều.

5. Các biện pháp hỗ trợ cải thiện chất lượng hàng hóa, dịch vụ công

Để cung cấp hàng hóa, dịch vụ có chất lượng một cách tốt nhất, theo Osborne và Gaebler (1992) [26], *trước tiên* chính phủ nên tập trung vào các thế mạnh của mình, nên là người chỉ đạo thay vì thực hiện. Thứ mà chính phủ có thể cung cấp tốt nhất, chính là các chính sách và đảm bảo thực thi các chính sách liên quan đến công bằng xã hội, phát triển bền vững, ngăn chặn phân biệt đối xử. Nói cách khác, chỉ đạo hoặc cung cấp các hướng dẫn thi hành là những gì chính phủ nên làm.

Thứ hai, chính phủ nên lôi kéo cộng đồng không chỉ giám sát mà còn tham gia vào cả quá trình cung cấp dịch vụ, hàng hóa, trao cho họ quyền kiểm soát nhiều hơn, thậm chí, chuyển hẳn trách nhiệm cung cấp dịch vụ cho cộng đồng. Chẳng hạn, khi xây dựng các chính sách

hướng về cộng đồng, nên có sự tham khảo ý kiến các cộng đồng; khi cần giải quyết một vấn đề cấp bách trong khu vực, nên có sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và cộng đồng dân cư của khu vực đó. Để tăng quyền kiểm soát của cộng đồng, trước hết cần loại bỏ các rào cản hiện có giữa nhà nước và người dân sao cho tiếng nói của người dân được lắng nghe, có thể dễ dàng đến được với các cấp lãnh đạo của nhà nước. Ngoài ra, cần hỗ trợ đào tạo, nâng cao nhận thức của người dân trong các vấn đề xã hội, đồng thời có các biện pháp khuyến khích đối với các sáng kiến được áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ công. Tại Việt Nam, chúng ta cũng đang bước đầu áp dụng chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trước khi ban hành một nghị định, chính sách mới, dự thảo của các nghị định, chính sách này thường được thông báo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp trong nhân dân; hoặc chương trình nông thôn mới hiện nay có sự chung tay góp sức của cả Nhà nước và nhân dân, trong đó người dân không chỉ đóng góp công lao động mà có người thậm chí còn đóng góp cả đất đai của mình.

Thứ ba, để cải thiện cả về chất lượng cũng như chi phí của các hàng hóa, dịch vụ công mà chính phủ cung cấp, cạnh tranh là yếu tố cần thiết. Yêu cầu cạnh tranh buộc các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ ở khu vực công hạ thấp chi phí, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thay đổi, nỗ lực đáp ứng nhiều hơn kỳ vọng của khách hàng, mặt khác nâng cao tinh thần lao động sáng tạo của người lao động trong khu vực công vì các đóng góp được ghi nhận. Nếu đủ điều kiện cần thiết, việc cạnh tranh này nên được áp dụng giữa các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ không chỉ cho công chúng mà còn cho cả nội bộ.

Trên thực tế, một trong những biện pháp phổ biến là áp dụng phương pháp TQM (quản lý chất lượng toàn diện) cho khu vực công. Các nhà kinh tế cho rằng những lợi ích mà TQM có thể đem lại khi áp dụng vào các cơ quan chính phủ gồm có: (1) Cung cấp hàng hóa và dịch vụ công nhiều hơn và tốt hơn với khối lượng nguồn lực không đổi hoặc giảm đi (Cohen và

Brand, 1993) [27]; (2) Thúc đẩy và tăng cường năng lực cho nhân sự khu vực công (Rago, 1996) [28]; (3) Tăng cường sự lãnh đạo mạnh mẽ trong nhân sự cấp cao (Rago, 1996) [28]; (4) Giảm bớt tầng nấc và hệ thống tổ chức hành chính (Cohen và Brand, 1993 [27]; Rago, 1996 [28]); (5) Đáp ứng có hiệu quả hơn trước các thách thức từ yêu cầu tư nhân hóa (Osborne và Gaebler, 1992) [26]; (6) Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức thuộc khu vực công thực hiện được các mục tiêu, mục đích của mình (Cohen và Brand, 1993) [27]; (7) Đáp ứng tốt hơn sự mong đợi của cử tri, người đóng thuế, người dân trong xã hội (Carr và Littman, 1993) [29]. Osborne và Gaebler (1992) [26] đưa ra kết luận đáng chú ý rằng điểm cốt yếu cho sự tồn tại của một cơ quan chính phủ phụ thuộc vào năng lực cải thiện chất lượng và năng suất làm việc của cơ quan đó. Cohen và Brand (1993) [27] thì cho rằng lý do quan trọng nhất đòi hỏi các tổ chức thuộc khu vực công phải áp dụng TQM là để cải thiện những khiếm khuyết, yếu kém của mình, sao cho ngày càng đáp ứng tốt hơn các mục tiêu hoạt động đã đề ra, và cuối cùng là bảo đảm sự sống còn của chính tổ chức đó.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực công, giúp truyền tải và tiếp cận thông tin nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như nhân lực của các bên, cần thiết áp dụng các dịch vụ công cộng điện tử và mô hình chính phủ điện tử. Theo đó, cần tin học hóa các cơ quan công quyền. Các cơ quan này cần có website riêng, trên đó thường xuyên cập nhật và đăng tải toàn bộ các văn bản chính sách, pháp luật trong phạm vi quản lý và các hướng dẫn thực hiện, đồng thời việc giao dịch hàng hóa, dịch vụ mà cơ quan này cung cấp sẽ được chuyển dần từ tiếp nhận hồ sơ trực tiếp sang thực hiện trên mạng trực tuyến. Ngoài ra, cần tăng cường bộ phận giải đáp thắc mắc trực tuyến nhằm hướng dẫn nhanh nhất, tốt nhất các vướng mắc, đặc biệt trong quá trình nộp hồ sơ cho những người muốn sử dụng hàng hóa, dịch vụ mà cơ quan này cung cấp. Hiện nay tại Việt Nam, Chính phủ cũng bước đầu áp dụng một số dịch vụ điện tử như đấu thầu trực tuyến,

kê khai và nộp thuế qua mạng, đăng ký doanh nghiệp trực tuyến... Mặc dù còn một số vướng mắc do lần đầu tiếp cận với phương pháp làm việc mới, cách làm này đã nhận được những phản hồi tích cực của người dân cũng như nguyện vọng nhân rộng mô hình này hơn nữa.

6. Kết luận

Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, chất lượng hàng hóa, dịch vụ công thật sự có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ công sẽ thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai. Do đó, cần thiết phải áp dụng các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng hàng hóa, dịch vụ công dựa trên một số nguyên tắc cơ bản: (i) Nhà nước nên đóng vai trò chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện hơn là người thực hiện; (ii) Thực hiện giải pháp nhà nước và nhân dân cùng làm, thậm chí giao hẳn trách nhiệm cho cộng đồng dưới sự tư vấn, quản lý chung của nhà nước; (iii) Nên áp dụng hình thức cạnh tranh giữa các cơ quan công quyền. Một số giải pháp cụ thể có thể sử dụng ở đây gồm có: Áp dụng TQM, mô hình dịch vụ công cộng điện tử, chính phủ điện tử, nên lựa chọn cơ quan cung cấp hàng hóa, dịch vụ công dựa trên việc đấu thầu cạnh tranh giữa các cơ quan công quyền. Trên hết, chính là một hiến pháp phù hợp, tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan công quyền, sự nghiêm minh của pháp chế, cũng như hiệu lực của các cơ quan thi hành luật pháp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Barro, "Economic Growth in a cross section of countries", *Quarterly Journal of Economics*, 106 (1991), 407-444.
- [2] De Long & Summers, "Equipment Investment and Economic Growth", *Quarterly Journal of Economics*, 106 (1991), 445-502.
- [3] Levine & Renelt, "A sensitivity analysis of cross-country growth equations", *American Economic Review*, 82 (1992) 4, 942-63.
- [4] Landau, "Government expenditure and economic growth: A cross-country study", *Southern Economic Journal*, 49 (1983), 783-92.
- [5] Easterly & Rebelo, "Fiscal Policy and Economic Growth: An empirical Investigation", Mimeo, The World Bank, 1993.
- [6] Devarajan, Shantayanan, Swaroop & Zou, "The composition of public expenditure and economic growth", *Journal of Monetary Economics*, 37 (1996), 313-44.
- [7] Tanzi & Davoodi, "Corruption, Public Investment, and Growth", *IMF Working Paper* 139 (1997).
- [8] Tanzi, "Corruption around the world: Causes, consequences, scope, and cures", *IMF Staff Papers*, 45 (1998) 4.
- [9] Keefer & Knack, "Boondoggles and Expropriation: Rent-seeking and Policy Distortion when Property Rights are Insecure", *Policy Research Working Paper* 2910, The World Bank, 2002.
- [10] Egert, Kozluk & Sutherland, "Infrastructure and growth: empirical evidence", *William Davidson Institute Working Paper* 957 (2009).
- [11] Calderón & Servén, "Infrastructure and economic development in Sub-Saharan Africa", *Policy Research Working Paper* 4712 (2008), The World Bank
- [12] Straub S., "Infrastructure and Development: A Critical Appraisal of the Macro Level Literature", *mimeo World Bank* (2007).
- [13] Keefer & Knack, "Boondoggles, rent-seeking and political checks and balances: Public investment under unaccountable governments", *Review of Economics and Statistics*, 89 (2007) 3, 566-72.
- [14] Servén, "Infrastructure investment and growth", *Seminars IMF*, November 2010.
- [15] Phạm Thế Anh, "Chỉ tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế: Khảo sát lý luận tổng quan", *Bài nghiên cứu NC-02/2008 VEPR*.
- [16] Phạm Thế Anh, "Phân tích cơ cấu chỉ tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam", *Bài nghiên cứu NC-03/2008 VEPR*.
- [17] Nguyễn Khắc Minh, Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thị Minh, *Tăng trưởng chuyển đổi cơ cấu và chính sách kinh tế ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2008.
- [18] Nguyễn Phi Lân, "Đánh giá tác động của phân cấp quản lý tài khóa đến tăng trưởng kinh tế địa

- phương tại Việt Nam”, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội, 2009.
- [19] Hoàng Thị Chinh Thon, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Thủy, “Tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương ở Việt Nam”, Bài nghiên cứu NC-19/2010 VEPR.
- [20] Zeithaml, “Service Quality, Profitability, and the Economic Worth of Customers: What we know and what we need to learn”, *Journal of the Academy of Marketing Science*, 28 (2000) 1, 67.
- [21] Johnston, “The determinants of service quality: satisfiers and dissatisfiers”, *International Journal of Service Industry Management*, 73 (1995) 3, 407-27.
- [22] Petruzzellis, D’Uggento, Romanazzi, “Student satisfaction and quality of service in Italian universities”, *Managing Service Quality: An International Journal*, 16 (2006) 4, 349-364.
- [23] Agus, Barker & Kandampully, “An exploratory study of service quality in the Malaysian public service sector”, *International Journal of Quality & Reliability Management*, 24 (2007) 2.
- [24] Asaduzzaman, Hosain & Rahman, “Service quality and student satisfaction: a case study on private universities in Bangladesh”, *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*, 1 (2013) 3, 128-135
- [25] Li Hongyi, Heng-fu Zou, “Income Inequality is not Harmful for Growth: Theory and Evidence”, *Review of Development Economics*, 2 (1998) 3, 318-34.
- [26] Osborne & Gaebler, *Reinventing Government: How the Entrepreneurial Spirit Is Transforming the Public Sector*, Addison-Wesley Publ. Co., New York, 1992.
- [27] Cohen & Brand, *Total Quality Management in Government*, JosseyBass, Inc, San Francisco, 1993.
- [28] Rago, “Struggles in Transformation: A Study in TQM, Leadership, and Organizational Culture in a Government Agency”, *Public Administration Review*, 56 (1996), 227-234.
- [29] Carr & Littman, *Excellence in Government: Total Quality Management in the 1990s*, 2d ed., Coopers & Lybrand, Arlington, VA, 1993.

The Relationships between the Quality of Public Goods, Services and Economic Growth

Nguyen Thanh Hang

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: This research paper analyzes the relationships between the quality of public goods, services, and economic growth, in which the impacts of the quality of infrastructure and that of the public institutions on economic growth are studied in-depth. According to the global panel data results in 2006-2014, based on the fixed effect model, the quality of public goods and services seriously effect on economic growth, which means if the quality of public goods and services is improved, it in turn will promote economic growth in the future. TMQ, e-government and e-services systems are recommended as solutions.

Keywords: Quality of public goods and services, fixed effect model, economic growth.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Kết quả hồi quy tăng trưởng GDP bình quân theo chất lượng cơ sở hạ tầng

	1.1		1.2		1.3		1.4		1.5		1.6		1.7	
C	129,3998	***	192,9349	***	183,8727	***	202,6643	***	202,7783	***	211,3191	***	221,0209	***
LOG(GDP(-2))	-15,6278	***	-23,0811	***	-21,9209	***	-23,5306	***	-23,55	***	-26,0415	***	-27,3155	***
Q1(-1)	0,938797	**	1,650001	***	1,514232	***	1,78169	***	2,197905	***	2,49232	***	2,471166	***
GS(-1)			0,060705	*	0,057601	*	0,059149	*	0,070127	**	0,076295	**	0,077306	**
INF(-4)					-0,05277	**	-0,05414	**	-0,06222	**	-0,09053	***	-0,08894	***
OPEN(-1)							-0,06465	***	-0,06666	***	-0,06829	***	-0,07071	***
FD(-3)									-0,02601	**	-0,02457	**	-0,02483	**
TH(-3)											0,11054	***	0,101085	**
TOT(-2)													0,023607	*
Nob	1017		677		673		669		655		594		594	
Ncountry	142		113		112		111		110		104		104	
R^2	0,429		0,42		0,433		0,452		0,459		0,46		0,464	
\bar{R}^2	0,336		0,301		0,317		0,339		0,343		0,337		0,34	
Prob(FE vs RE)	0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000	
Prob(PO vs FE)	0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000	

Bảng 2. Kết quả hồi quy tăng trưởng GDP bình quân theo chất lượng hoạt động của cơ quan công quyền

	2.1		2.2		2.3		2.4		2.5		2.6	
C	22,55196		119,3012	***	131,5842	***	133,7269	***	123,1057	***	131,453	***
LOG(GDP(-2))	-3,4635		-17,0141	***	-18,2372	***	-19,1715	***	-17,967	***	-19,3691	***
Q2(-3)	2,095106	*	4,609488	***	4,540061	***	4,979674	***	4,409806	***	4,292642	***
GS(-1)			0,37896	***	0,344264	***	0,349339	***	0,342716	***	0,331842	***
INF(-1)					-0,07727	***	-0,07688	***	-0,07043	***	-0,07358	***
OPEN(-2)							0,044241	**	0,039435	**	0,042113	**
FD(-5)									0,047559	***	0,044846	***
TOT(-4)											0,042458	***
Nob	740		480		480		480		475		475	
Ncountry	132		106		106		106		105		105	
R^2	0,171		0,474		0,489		0,496		0,518		0,528	
\bar{R}^2	-0,011		0,321		0,339		0,346		0,0372		0,383	
Prob(FE vs RE)	0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000	
Prob(PO vs FE)	0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000		0,0000	

Ghi chú:

***, **, *: Có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%
 Prob (RE vs FE): Xác suất nhỏ nhất mà mô hình tác động ngẫu nhiên bị bác bỏ, nếu Prob (RE vs FE) < 10%, mô hình thích hợp là dạng tác động cố định (Kiểm định Hausman).
 Prob (PO vs FE): Xác suất nhỏ nhất mà mô hình OLS gộp bị bác bỏ, nếu Prob (PO vs FE) < 10%, mô hình thích hợp là dạng tác động cố định.